TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2025
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà TrầnThị Hòa
Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 01/2025/TB-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1970
- *Bị đơn:* Ông Đặng Hữu N, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Bon U3, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đăk N (Nay là Bon U3, xã Cư J, tỉnh Lâm Đ)

(*Bà T có mặt, ông N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện đến với nhau năm 2009, có một người con chung sau đó mới đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/4/2013.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng tại thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đăk N. Trong cuộc sống hôn nhân ông N thường xuyên uống rượu bia, làm đảo lộn cuộc sống sinh hoạt của mẹ con bà, xảy ra nhiều mâu thuẫn tranh cãi gay gắt không thể hòa

giải. Tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm gì đến ai, vợ chồng đã ly thân được 03 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Hữu Đ, sinh ngày 21/8/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu được nuôi con vì lý do chồng bà say xỉn suốt ngày không thể giáo dục con cái nên người.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Đối với bị đơn ông Đặng Hữu N:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà T yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung bà yêu cầu được nuôi con chung Đặng Hữu Đ, sinh ngày 21/8/2010 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: bà Thảo không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Đặng Hữu N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn ông Đặng Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Đặng Hữu N. Về con chung: Giao con chung Đặng Hữu Đ, sinh ngày 21/8/2010 cho bà Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 17/03/2025 bà Võ Thị Thảo nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (Nay là TAND khu vực 9 – Lâm Đồng) giải quyết việc ly hôn và nuôi con với ông Đặng Hữu N do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đặng Hữu N có nơi cư trú tại Bon U3, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đăk N (Nay là Bon U3, xã Cư J, tỉnh Lâm Đ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (Nay là TAND khu vực 9 – Lâm Đồng) theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Đặng Hữu N vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Hữu N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 59/2013 ngày 17/4/2013 của UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) thì bà Võ Thị T và ông Đặng Hữu N là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa bà Thảo cho rằng trong cuộc sống hôn nhân ông N thường xuyên uống rượu bia, làm đảo lộn cuộc sống sinh hoạt của mẹ con bà, xảy ra nhiều mâu thuẫn tranh cãi gay gắt không thể hòa giải. Vợ chồng đã ly thân được 03 năm, trong thời gian ly thân có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật ông N nhiều lần nhưng ông N vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện ông Ngân không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên ông N không còn tình cảm đối với bà T. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông N và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông N và bà T có 01 con chung là Đặng Hữu Đ, sinh ngày 21/8/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 17/6/2025 cháu Đặng Hữu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ rất thương con và chăm sóc con hàng ngày,

tính mẹ rất hiền, luôn quan tâm con cái và gia đình (BL 25). Nhận thấy cháu Đ có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, mặc khác từ trước tới nay bà Thảo là người trực tiếp chăm sóc con ngay cả khi vợ chồng ly thân để tạo điều kiện của sự phát triển của trẻ nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Đặng Hữu N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2013 ngày 17/4/2013 của UBND thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Đặng Hữu Đ, sinh ngày 21/8/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005442 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Bà T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 9*;
- *UBND xã Cư Jút;*
- *Phòng THADS khu vực 9*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh